TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:101/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thiều Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn P; địa chỉ cư trú: Số 477A/24 Quản Cơ Thành, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P và thuộc Đoàn luật sư An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ T1, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Thiều Văn T trình bày: Ông và bà Lê Thị Mỹ T1 do quen biết tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau vào năm 2011, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M. Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn,

bất đồng quan điểm, hay cự cãi, lối sống không hợp, tính tình không hợp. Nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T1.

Về con chung: 02 con chung tên là Thiều Thị T2, sinh ngày 14/8/2014, Thiều Văn Quốc T3, sinh ngày 27/5/2012. Hiện cháu T2 và cháu T3, ông T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Thiều Văn T là Luật sư Nguyễn Văn P đề nghị Hội đồng xét xử cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T1; về con chung, cho ông Thiều Văn T được tiếp tục nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung, không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Mỹ T1 đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Thiều Văn T khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T1. Bà T1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bà Lê Thị Mỹ T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Thiều Văn T và bà Lê Thị Mỹ T1 là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà mâu thuẫn, theo nguyên đơn trình bày là do bất đồng quan điểm, hay cự cãi, lối sống không hợp, tính tình không hợp. Xét thấy, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Thiều Văn T xác định vợ chồng có 02 con chung là: Thiều Thị T2, sinh ngày 14/8/2014, Thiều Văn Quốc T3, sinh ngày 27/5/2012. Hiện cháu T2 và cháu T3, ông T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy con chung là cháu Thiều Thị Thưởng hiện còn nhỏ và ông T đang nuôi dưỡng nên tiếp tục giao con chung

cho ông T nuôi dưỡng; đối với con chung là cháu T3, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu, kết quả thể hiện "nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau nữa thì nguyện vọng muốn được chung sống với ba". Dó đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do ông T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thiều Văn T.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thiều Văn T ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2012 ngày 09/02/2012 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2) Về quan hệ con chung: Ông Thiều Văn T được tiếp tục nuôi 02 con chung là: Thiều Thị T2, sinh ngày 14/8/2014, Thiều Văn Quốc T3, sinh ngày 27/5/2012; bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5) Về án phí: Ông Thiều Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

0008171 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông Thiều Văn T đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng